TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Mỹ Lil

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký viên, Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 01/01/1979, đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Số CCCD 096179007885, cấp ngày 23/7/2025.

Địa chỉ cư trú ấp G, xã S, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 16/02/1977, vắng mặt.

Số CCCD 096077004180, cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ cư trú ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú A trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn C xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 20/6/2016. Quá trình sống chung, thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng không còn hạnh phúc, do anh C thiếu trách nhiệm với gia đình. Nay, nguyên

đơn nhận thấy không thể tiếp tục cùng anh C sống chung, yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hà Ngọc G, sinh ngày 11/5/2016, giới tính: Nữ. Hiện cháu Ngọc G do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Ngọc G đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Ngọc G, mỗi tháng số tiền theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Ngọc G đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay, nguyên đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị Tú A vắng mặt nhưng đã có đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn anh C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xét xử các đương sự nêu trên, là phù hợp.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 20/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau cấp, thể hiện chị Tú A và anh C có

đăng ký kết hôn. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tú A và anh C được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Tú A xác định hôn nhân giữa chị và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị Tú A yêu cầu được ly hôn với anh C.

Đối với anh C vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Toà án, điều đó cho thấy anh C đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị Tú A.

Tại Đơn yêu cầu đề nghị Toà án xét xử vắng mặt ngày 23/10/2025 chị Tú A kiên quyết ly hôn với anh C.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;".

Xét, hôn nhân giữa chị Tú A và anh C đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị Tú A là có căn cứ được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tú A được ly hôn với anh C phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Theo chị Tú A xác định, vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hà Ngọc G, sinh ngày 11/5/2016, giới tính: Nữ.

Hiện cháu Ngọc G do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Ngọc G đến tuổi trưởng thành.

Xét, cháu Ngọc G tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/11/2025 cháu Ngọc G trên 07 tuổi, phải ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Toà án ngày 18/11/2025, cháu Ngọc G có nguyện vọng được sống chung với chị Tú A, nguyện vọng này là phù hợp với yêu cầu của chị Tú A, nên có cơ sở được để chấp nhận.

Đối với anh C vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

Xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu Ngọc G cho chị Tú A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Ngọc G đủ 18 tuổi, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng

dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Tú A yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc G đến tuổi trưởng thành, số tiền theo quy định của pháp luật.

Đối với anh C vắng mặt, nên không có cơ sở để xem xét.

Theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, ..., trong trường hợp không sống chung với con".

Do đó, chị Tú A yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc G là có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định: "… Mức cấp dưỡng do Toà án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con".

Xét, anh C trước đây cư trú tại ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau, nay là ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, thì nơi cư trú của anh L là thuộc vùng IV, quy định mức lương tối thiểu vùng IV là 3.450.000 đồng/tháng.

Do đó, cần xác định số tiền anh C cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc G là 1.725.000 đồng/tháng.

Về thời điểm cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định: "Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, …, … phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con, …".

Quá trình giải quyết vụ án, chị Tú A không có yêu cầu cụ thể thời điểm cấp dưỡng, do đó cần xác định thời điểm cấp dưỡng của anh C đối với cháu Ngọc G được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/11/2025, việc cấp dưỡng cho đến khi cháu Ngọc G đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản, nợ: Chị Tú A không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tú A, án phí được xử lý như sau:

- Đối với chị Tú A: Chị Tú A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

- Đối với anh C: Anh C phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú A.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tú A được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà Ngọc G, sinh ngày 11/5/2016, giới tính: Nữ, cho chị Nguyễn Thị Tú A được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Hà Ngọc G đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hà Ngọc G, sinh ngày 11/5/2016, giới tính: Nữ, mỗi tháng số tiền 1.725.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng), cho đến khi cháu Nguyễn Hà Ngọc G đủ 18 (mười tám) tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 28/11/2025.

Người được nhận tiền cấp dưỡng là chị Nguyễn Thị Tú A.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357, khoản 2

Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản, nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Chị Nguyễn Thị Tú A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Tú A nộp tại Biên lai thu 0000754 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tú A và anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b);
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau (01b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang